TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HOÀ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 27 tháng 6 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Chí Công.
2. Ông Trần Thanh Hải.

- Thư ký phiên toà: Ông Hồ Xuân Quyền - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Thạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 26/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 12/6/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Xuân D - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 04 tháng 6 năm 1974, tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm A, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T (chết) và bà Nguyễn Thị V (chết); vợ: Phan Thị N - Sinh năm 1980; con: Có 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 18/01/2011 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Nghệ An xử 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về các tội "Trộm cắp tài sản" và "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Bản án số 01/2011/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2016; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/7/2008 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Nghệ An xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 32/2008/HSST, thi hành xong ngày 24/6/2009; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2018 đến nay (có mặt).

- Người bị hại: Anh Nguyễn Quang H- Sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm A, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ sáng ngày 10/4/2018, Phạm Xuân D mang theo một chiếc chìa khoá xe máy dạng bẹp đón xe bus từ xã M, huyện Y lên thị xã T mục đích tìm xe máy của người khác sơ hở để lấy trộm. Khi đến địa phận phường H, thị xã T thì Phạm Xuân D xuống xe đi bộ đến Trung tâm văn hoá thị xã T thuộc khối K, phường H thì phát hiện có nhiều xe máy dựng ở sân bóng chuyền không có ai trông giữ. Sau đó D tiếp cận, ngồi lên xe máy nhãn hiệu Honda Ware alpha màu xám, đen, bạc BKS 37G1 - 656.xx đăng ký mang tên Phạm Thị H rồi lấy chìa khoá mang sẵn trong túi cắm vào ổ khoá điện vặn mở khoảng hai phút thì mở được khoá điện. Phạm Xuân D nổ máy điều khiển xe chạy theo đường đi qua xã N về thị trấn T để về nhà tìm nơi tiêu thụ. Khi D chạy đến khu vực thị trấn T, huyện T thì gặp tổ công tác Công an huyện T đang tuần tra, D tăng ga bỏ chạy thì bị truy đuổi đến địa phận xóm A, xã N, huyện T thì bị bắt giữ. Tổ công tác Công an huyện T đã lập biên bản giữ người, xe máy, đăng ký xe máy, còn chiếc chìa khoá trong quá trình truy đuổi Phạm Xuân D đã làm rơi mất.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/UBND-HĐĐG ngày 10 tháng 4 năm 2018, của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện T kết luận:

Giá trị thực tế của chiếc xe máy đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda Ware alpha màu xám, BKS 37G1 - 656.xx có số khung RLHHC1254FY 2883xx; số máy HC12E 7288398 là 12.460.000đ (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSTXTH ngày 30 tháng 5 năm 2018, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Phạm Xuân D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Xuân D từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Quang H đã nhận lại được tài sản do bị cáo trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến,

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được: Khoảng 09 giờ 45 phút, ngày 10/4/2018, tại Trung tâm văn hoá thị xã T, Phạm Xuân D đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Nguyễn Quang H, trộm cắp của anh H chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Ware alpha màu xám, BKS 37G1 - 656.xx trị giá 12.460.000đ (mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Bị cáo là đối tượng đang có tiền án trong trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội "Trộm cắp tài sản". Như vậy bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 -BLHS như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vụ án thuộc loại nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng với bản chất lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Mặt khác bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã được pháp luật giáo dục nhiều lần nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tự răn đe, giáo dục, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần xét xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà người bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt và qua đơn trình bày đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, vì vậy Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS:

Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân D 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 10/4/2018.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án): Buộc bị cáo Phạm Xuân D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người bị hại vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên